

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100 /2019/HSPT

Ngày: 10 / 10 / 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông La Hồng.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tâm;

Bà Nguyễn Thị Minh Phượng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Năng, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm C khai vụ án hình sự, thụ lý số 108/2019/HSPT ngày 01/8/2019, đối với bị cáo Nguyễn Văn B cùng Phạm Thị Tố N, phạm tội “Trộm cắp tài sản” do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 12/2019/HS-ST ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Thị Tố N, sinh năm: 1997; nơi sinh: tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Huỳnh Thị Th; tháng 4/2018 chung sống như vợ chồng với Nguyễn Văn B, sinh năm 1990;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/11/2018 cho đến nay, có mặt.

Ngoài ra còn có 1 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

- Bị hại:

+ Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1955, nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện C, An Giang, vắng mặt;

+ Trần Minh Th, sinh năm 1988, nơi cư trú: Tổ 14, ấp P, xã B, huyện C, An Giang, vắng mặt;

+ Trần Thị Kiều Q, sinh năm 1988, nơi cư trú: Tổ 14, ấp P, xã B, huyện C, An Giang, vắng mặt;

+ Bùi Chí D, sinh năm 1989, nơi cư trú: Ấp H, TT A, huyện C, tỉnh An Giang, vắng mặt;

+ Nguyễn Văn D, sinh năm 1959, nơi cư trú: Số 459, tổ 18, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

+ Nguyễn Lâm Hồng Nh, sinh năm 2000, nơi cư trú: Số 17A2, T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, vắng mặt;

+ Đoàn Văn D1, sinh năm 1989, nơi cư trú: Ấp Tr, xã V, huyện Th, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Những người có liên quan đến vụ án:

+ Huỳnh Thanh Tr, sinh năm 1983, nơi cư trú: Số 35, đường Nguyễn Văn L, khóm 8, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, vắng mặt;

+ Nguyễn Thị Hà Ng, sinh năm 1988, nơi cư trú: Số 35, đường Nguyễn Văn L, khóm 8, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, vắng mặt;

+ Nguyễn Thành D2, sinh năm 1986, nơi cư trú: Số 134, đường Phạm Cự L, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, vắng mặt;

+ Tạ Du Th, sinh năm 1986, nơi cư trú: Ấp H, TT A, huyện C, tỉnh An Giang, vắng mặt;

+ Nguyễn Tấn H, sinh năm 1986, nơi cư trú: Ấp H, TT A, huyện C, tỉnh An Giang, vắng mặt;

+ Huỳnh Ngọc Th, sinh năm 1985, nơi cư trú: Ấp Ph, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, vắng mặt;

+ Phạm Văn Đ, sinh năm 1966, nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, vắng mặt;

+ Huỳnh Thị Th1, sinh năm 1972, nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, vắng mặt;

+ Đỗ Cao L, sinh năm 1989, nơi cư trú: Tổ 24, ấp A, xã H, huyện CM, An Giang, vắng mặt;

+ Phạm Thái H, sinh năm 2004, nơi cư trú: Ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang, vắng mặt;

+ Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1990, nơi cư trú: Số 2/2 Ng, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang, vắng mặt;

+ Nguyễn Trường A, sinh năm 1983, nơi cư trú: Số 193/7B, khóm P, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Những người làm chứng:

+ Trương Mỹ D, sinh năm 1981, vắng mặt;

- + Nguyễn Thành C, sinh năm 1973, vắng mặt;
- + Lê Tông Q, sinh năm 1986, vắng mặt;
- + Võ Sĩ L, sinh năm 1980, vắng mặt;
- + Phạm Minh Tr, sinh năm 1990, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2018 đến tháng 9/2018, Nguyễn Văn B và Phạm Thị Tố N (cả hai chung sống như vợ chồng) thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C và thành phố L, tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Nguyễn Văn B và Phạm Thị Tố N thuê phòng trọ tháng (ở phòng cuối của dãy nhà trọ) bằng hiệu “Thành C” tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Khoảng 11 giờ ngày 03/6/2018, sau khi khám bệnh cho N ở thành phố L, B điều khiển xe mô tô biển số: 67N9 - 0114 (N mượn của cậu ruột tên Huỳnh Ngọc Th) chở N về nhà trọ “Thành C”. B quan sát thấy xe mô tô biển số: 67M6 - 1608 của anh Bùi Chí D (D thuê phòng trọ “Thành C” ở) có gắn sẵn chìa khóa xe dựng phía sau nhà bếp của anh C không người trông giữ. B lén lút dẫn xe mô tô ra trước cửa nhà anh C. Lúc này N từ phòng trọ đi ra, B kêu N điều khiển xe mô tô biển số: 67N9 - 0114 chạy theo phía sau. Cả hai điều khiển xe đến nhà nghỉ “Vy Thanh” tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang thuê phòng nghỉ và cất giấu xe trộm được. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, B điều khiển xe mô tô biển số: 67N9 - 0114 chở N trở về nhà trọ “Thành C” dọn đồ và trả xe mô tô biển số: 67N9 - 0114 cho Th. Sau đó, cả hai đi đến nhà nghỉ “Vy Thanh” để lấy xe mô tô biển số: 67M6 - 1608 đi đến tỉnh B, bán xe mô tô cho một người thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ), với số tiền 1.000.000 đồng, B và N tiêu xài hết.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số: 05/KL.HĐ ngày 16/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh An Giang, kết luận: 01 xe mô tô biển số: 67M6 – 1608, nhãn hiệu Nagaki, loại Wave Trung Quốc, màu đỏ - đen, số máy: 03017272, số khung: 17272, đã qua sử dụng trị giá: 10.500.000 đồng x 40% = 4.200.000 đồng. (Bút lục số: 247).

Vụ thứ hai: Khoảng 09 giờ sáng ngày 24/6/2018, B điều khiển xe mô tô biển số: 67N9 - 0114 chở N từ nhà trọ “Kim Ngân” đến Đình M thuộc khóm 1, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang tìm tài sản lấy trộm. Khi vào trong sân Đình M, N quan sát thấy xe mô tô biển số: 67K1-161.60 của ông Nguyễn Văn D đang dựng ở sân Đình có gắn sẵn chìa khóa ở ổ khóa mở yên xe. B bảo N lén lấy chìa khóa xe cất giấu. Quan sát không thấy người trông giữ, B kêu N lấy trộm xe chạy về nhà trọ “Kim Ngân”, còn B điều khiển xe mô tô biển số: 67N9 - 0114 chạy theo sau. Khoảng 02 ngày sau, B điều khiển xe mô tô biển số: 67K1 - 161.60 chở N đến tiệm sửa xe của Đỗ Cao L thuộc ấp A, xã H, huyện CM, tỉnh An Giang. Lên điện thoại cho bạn tên T2 (không rõ họ, địa chỉ) ở huyện C đến mua, với giá 4.500.000 đồng. Sau khi bán xe, B cho N 200.000 đồng, số tiền còn lại B và N tiêu xài hết.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số: 183/KL.HĐ ngày 05/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố L, tỉnh An Giang, kết luận: 01 xe mô tô biển số: 67K1 - 161.60, nhãn hiệu Honda, loại Wave S, màu đỏ - bạc - đen, số máy: JC52E4406229, số khung: RLHJC5210CY271743, đã qua sử dụng trị giá 18.570.000 đồng x 55% = 10.213.500 đồng. (Bút lục số: 290)

Vụ thứ 3: Khoảng 17 giờ ngày 08/7/2018, B điều khiển xe mô tô biển số: 67N9 - 0114 chở N đến sân bóng đá mini thuộc ấp HL, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang tìm tài sản lấy trộm. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, B thấy anh Trần Minh Th điều khiển xe mô tô biển số: 67C1 - 223.71 chở vợ là chị Trần Thị Kiều Q chạy đến và mắc chìa khóa xe trên lưới gần chỗ B ngồi. B lên lút đánh tráo chìa khóa xe khác do B mang theo sẵn và lấy chìa khóa xe đưa cho N. N lấy chìa khóa mở khóa và điều khiển xe mô tô biển số: 67C1 - 223.71 chạy ra ngoài và giao xe cho B điều khiển, còn N lấy xe mô tô biển số: 67N9 - 0114 điều khiển chạy phía sau B, cả hai về nhà trọ “Kim Ngân” (B và N thuê trước đó) thuộc phường M, thành phố L cất giấu. B mở cốp xe, phát hiện 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime 32GB màu vàng, màn hình 5.5inch; 01 bóp da màu đen bên trong có 1.310.000 đồng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số: 67F5 - 3937 tên Trần Minh T (cha của anh Trần Minh Th); 01 giấy chứng minh nhân dân tên Trần Minh Th, 02 giấy phép lái xe hạng A1, B2 tên Trần Minh Th; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Trần Thị Kiều Q, 01 giấy phép lái xe hạng A1 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số: 67C1 - 223.71 tên Trần Thị Kiều Q. Sáng ngày 09/7/2018, B và N mang xe mô tô biển số: 67C1 - 223.71 đến khu vực phường M, thành phố L, tỉnh An Giang bán cho Huỳnh Thanh Tr với giá 21.000.000 đồng. Khoảng 05 ngày sau, N mang điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime đến bán cho Tạ Vu Thịnh tại cửa hàng điện thoại di động “Vu Thịnh” thuộc tổ 09, ấp Hòa Long IV, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang với giá 1.200.000 đồng. Sau đó, N cầm 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần Thị Kiều Q, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số: 67F5-3937 mang tên Trần Minh T cho Nguyễn Tấn H với số tiền 500.000 đồng. Các giấy tờ còn lại của anh Th, B để trong bóp của anh Th rồi làm rơi mất.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 104/KL.HĐ ngày 09/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh An Giang, kết luận: 01 xe mô tô biển số: 67C1 - 223.71, nhãn hiệu Honda, loại xe Future FI, số máy: C54E - 2001684, số khung: 5387EY001102 màu đỏ - ghi, đã qua sử dụng trị giá 31.000.000 đồng x 70% = 21.700.000 đồng. (Bút lục số 131)

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 114/KL.HĐ ngày 06/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh An Giang, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime 32Gb, màu vàng, màn hình 5.5inch, đã qua sử dụng trị giá 5.500.000 đồng x 40% = 2.200.000 đồng. (Bút lục số 145)

Vụ thứ 04: Khoảng 10 giờ sáng ngày 29/7/2018, B điều khiển xe mô tô biển số: 67N9 - 0114 (do N mượn của cậu Th trước đó 01 ngày) chở N từ khách sạn “Th Nguyên I” thuộc ấp B Phú I, xã B Hòa, huyện C, tỉnh An Giang đi đến quán trà sữa “AMICHA” tại khóm 2, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang tìm tài sản lấy trộm.

Khi vào quán, B gửi xe mô tô biển số: 67N9 - 0114 cho Phạm Thái H là bảo vệ giữ xe của quán. Sau đó, B và N lên tầng 2 của quán trà sữa ngồi uống nước. B quan sát thấy khu vực vỉa hè trước quán trà sữa có đậu nhiều xe của khách đến uống trà sữa nên B kêu N lấy trộm. N xuống bãi giữ xe của quán trà sữa “AMICHA” quan sát thấy anh Phạm Thái H không để ý nên N lén lút lấy trộm xe mô tô biển số: 67L1 - 352.57 của chị Nguyễn Lâm Hồng Nh đang đậu trên vỉa hè trước quán trà sữa “AMICHA”. N dẫn xe mô tô biển số: 67L1 - 352.57 về hướng huyện C khoảng 500 mét N vào tiệm sửa xe không rõ bảng hiệu thuê thợ sửa xe đầu dây nối máy xe thì B điều khiển xe mô tô biển số: 67N9 - 0114 chạy đến. B bảo N điều khiển xe mô tô biển số: 67L1 - 352.57 còn B điều khiển xe mô tô biển số: 67N9 - 0114, cả hai chạy về xã B Hòa, huyện C trả xe mô tô biển số: 67N9 - 0114 cho cậu Th. Sau đó, B điều khiển xe mô tô biển số: 67L1 - 352.57 chở N về khách sạn “Th Nguyên I”. Đến ngày 01/8/2018, B điều khiển xe chở N đến tỉnh B bán xe cho người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 4.000.000 đồng, B và N tiêu xài cá nhân.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số: 184/KL.HĐ ngày 05/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố L, tỉnh An Giang, kết luận: 01 xe mô tô biển số 67L1 - 352.57, nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu trắng - bạc - đen, số máy: HC12E-5114818, số khung: RLHHC1211DY114733, đã qua sử dụng trị giá 18.730.000 đồng x 55% = 10.301.500 đồng. (Bút lục số 349)

Vụ thứ 05: Ngày 29/7/2018, B và N đến khách sạn “Th Nguyên I” do ông Nguyễn Ngọc L làm chủ, thuộc ấp B Phú I, xã B Hòa, huyện C, tỉnh An Giang thuê phòng nghỉ số 304 (mục đích để tìm tài sản lấy trộm). Khoảng 20 giờ ngày 31/7/2018, B xuống phòng 202 ở tầng 2 của khách sạn, do cửa phòng không khóa nên B mở cửa vào phòng lén lút lấy trộm tivi 32 inch nhãn hiệu TOSHIBA và dùng mền có sẵn trong phòng 202 trùm tivi lại rồi mang về phòng 304 cất giấu. Đến khoảng 05 giờ sáng ngày 01/8/2018, B và N để tivi vào trong vali, rồi trả phòng. B và N mang tivi đến thành phố Hồ Chí Minh bán cho một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 1.000.000 đồng. B và N tiêu xài hết.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số: 105/KL.HĐ ngày 09/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh An Giang, kết luận: 01 tivi màn hình phẳng 32inch, nhãn hiệu Toshiba, màu đen, đã qua sử dụng trị giá 3.000.000 đồng x 80% = 2.400.000 đồng. (Bút lục số 29)

Vụ thứ 06: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 01/9/2019, B điều khiển xe máy không xác định được biển số, số máy HC09E-6584587, số khung RLHHC09066Y584525 (do B mua của một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ ở thành phố Hồ Chí Minh) chở N đến siêu thị Co.op Mart thuộc khóm 1, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Khi vào đến bãi đậu xe trong siêu thị Co.op Mart, B quan sát thấy xe mô tô biển số: 67M7 - 4740 của anh Đoàn Văn D1 dựng cách xe của B khoảng 02 mét có đặc điểm giống xe của B nên B kêu N vào siêu thị mua đồ trước, còn B lén lút đánh tráo biển số xe của B với xe của Dư bằng cách B dùng tay tháo biển số xe của Dư để vào trong cốp xe của Dư. Sau đó, B tiếp tục dùng tay tháo biển số xe của B gắn vào xe của Dư, lúc này N trở lại bãi giữ xe gặp B, B kêu N ra phía trước siêu thị uống cà phê đợi B sửa xe. Sau đó, B để xe của B tại bãi giữ xe và

dẫn xe của D1 qua chốt kiểm soát do anh Nguyễn Trường An kiểm soát. B dùng chìa khóa xe của B mở ổ khóa xe của D1 nổ máy điều khiển xe rước N. Đến sáng ngày 02/9/2018, B điều khiển xe của D1 đến thành phố Hồ Chí Minh bán xe mô tô biển số: 67M7 - 4740 cho một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 3.000.000 đồng, B và N tiêu xài hết.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số: 185/KL.HĐ ngày 21/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố L, tỉnh An Giang, kết luận: 01 xe mô tô biển số: 67M7 - 4740, nhãn hiệu Honda, loại Wave RS, màu trắng - đỏ - đen, số máy: 5755283, số khung: 655398, đã qua sử dụng trị giá 19.780.000 đồng x 50% = 9.890.000 đồng. (Bút lục số: 407)

Ngày 16/11/2018, B và N bị khởi tố điều tra.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô biển số: 67C1 - 223.71, nhãn hiệu Honda, số loại Future FI; màu sơn: đỏ - ghi; số máy: C54E - 2001684; số khung: 5387EY001102 (xe đã qua sử dụng); 01 giấy chứng nhận đăng ký số 030774; 01 giấy chứng minh nhân dân số 351819836; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số AD792751 mang tên Trần Thị Kiều Q (đã trả lại cho bị hại Q).

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số A0079798, biển số 67F5 - 3937 mang tên Trần Minh T (đã trả lại cho bị hại Th).

- 01 xe máy không biển số, số máy: HC09E - 6584587, số khung: RLHHC09066Y584525, màu đỏ - đen (xe của B làm phương tiện đi trộm).

Căn cứ kết luận giám định pháp y tâm thần số: 10/2019/KLGĐTC ngày 18/01/2019 của Trung tâm Pháp y Tâm thần khu vực Tây Nam Bộ, kết luận: Phạm Thị Tố N, sinh năm 1997.

- Về y học:

- + Trước, trong khi phạm tội: Đương sự không bệnh lý tâm thần.

- + Sau khi phạm tội và hiện tại: Đương sự có bệnh lý tâm thần: Rối loạn phân ly (F44-ICD10)

- Về năng lực:

- + Tại thời điểm phạm tội: Đương sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

- + Hiện tại: Đương sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần. (Bút lục số 492 – 493).

Căn cứ kết luận giám định số: 09/KLGD-PC09(KT) ngày 21/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự C an tỉnh An Giang, kết luận: 01 xe mô tô không gắn biển số, màu đỏ - đen, số máy: HC09E-6584587, số khung: RLHHC09066Y584525, số khung, số máy không bị đục sửa, không bị cắt hàn. (Bút lục số 400)

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2019/HS-ST ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt : Nguyễn Văn B 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/11/2018.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 173, điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị Tố N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Phạm Thị Tố N 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo bản án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/6/2019, bị cáo Phạm Thị Tố N kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Tố N giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo khai và đã giao nộp chứng cứ biên lai nộp tiền tại Cục Thi hành dân sự tỉnh An Giang 2 lần với số tiền 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Tham gia tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án, như sau:

2 bị cáo B và N đã thực hiện hành vi lén lút 6 lần chiếm đoạt tài sản như nội dung vụ án được bản án hình sự sơ thẩm nhận định và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo N đều thừa nhận. Bản án sơ thẩm tuyên bố 2 bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ pháp luật.

Bị cáo kháng cáo và tự nguyện nộp 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả và bị cáo bệnh làm hạn chế năng lực hành vi dân sự là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo từ 3 đến 6 tháng.

Về bị cáo yêu cầu được hưởng án treo là không đủ điều kiện vì đã phạm tội nhiều lần, đề nghị không chấp nhận.

Đề nghị cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm đối với việc xác định tư cách Đoàn Văn D1 là người bị hại vì Đoàn Văn D1 đã gửi xe cho Nguyễn Trường A quản lý, thì Trường A mới là người bị hại trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

Phiên tòa sơ thẩm xét xử vào ngày 20/6/2019. Ngày 27/6/2019, bị cáo Tô N kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì kháng cáo trong hạn luật định, chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo thừa nhận đã bị B xúi giục để cùng B 06 lần trộm tài sản của các người bị hại: Nguyễn Ngọc L, Trần Minh Th, Trần Thị Kiều Q, Bùi Chí D, Nguyễn Văn D, Nguyễn Lâm Hồng Nh và Đoàn Văn D1.

Tòa án nhân dân huyện C xét xử bị cáo Nguyễn Văn B và Phạm Thị Tố N, đồng phạm trộm cắp tài sản theo điểm b, c khoản 2 Điều 173, điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

Bị cáo yêu cầu được xem xét giảm nhẹ hình phạt. Sau khi kháng cáo, bị cáo có giao nộp 2 lần: Lần 1 nộp 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001348 ngày 12/8/2019, lần 2 nộp 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004252 ngày 02/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, tổng cộng bị cáo nộp 10.000.000 đồng.

Xét đây là tình tiết mới được coi là tình tiết giảm nhẹ giao nộp tiền để bồi thường theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo đề nghị của Kiểm sát viên.

Về việc yêu cầu xin được hưởng án treo của bị cáo, thì thấy bị cáo đã phạm tội nhiều lần, không có căn cứ chấp nhận.

Chấp nhận theo quan điểm của Kiểm sát viên về xác định tư cách người bị hại là Nguyễn Trường A chứ không phải Đoàn Văn D1 như bản án sơ thẩm vì Đoàn Văn D1 đã gửi xe cho Nguyễn Trường A quản lý. Cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm về nội dung này.

[3] Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Những phần của bản án sơ thẩm của Tòa án không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344, Điều 345 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Tố N;

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2019/HS-ST ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Tố N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 173, điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Phạm Thị Tố N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

- Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện C tiếp tục quản lý, xử lý số tiền 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng, trong đó 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) do Phạm Thị Tố N nộp khắc phục hậu quả tại biên lai thu tiền số: 0001321 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang và 10.000.000 (mười triệu) đồng theo 2 biên lai thu tiền số 0001348 ngày 12/8/2019 và số 0004252 ngày 02/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Về án phí: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Phạm Thị Tố N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2019/HS-ST ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Tâm Ng Thị Minh Phượng

La Hồng